

CÔNG TY CỔ PHẦN MIKAMACHI VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN MIKAMACHI VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MIKAMACHI VIET NAM JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0107717784

3. Ngày thành lập: 03/02/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 30, ngách 322/17, Nhân Mỹ, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
2.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
3.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
4.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
5.	Cho thuê băng, đĩa video	7722
6.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
7.	Hoạt động viễn thông có dây	6110
8.	Hoạt động viễn thông không dây (chỉ hoạt động khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép)	6120
9.	Hoạt động viễn thông vệ tinh (chỉ hoạt động khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép)	6130
10.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209(Chính)
11.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý;	4610
12.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
13.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
14.	Điều hành tua du lịch	7912

15.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (loại nhà nước cho phép)	4620
16.	Bán buôn gạo	4631
17.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
18.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
19.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
20.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (loại nhà nước cho phép)	8299
21.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí	9000
22.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
23.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
24.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
25.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
26.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
27.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
28.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
29.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
30.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
31.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
32.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
33.	Đại lý du lịch	7911
34.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu (loại nhà nước cho phép)	6329
35.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
36.	Bán buôn thực phẩm	4632
37.	Bán buôn đồ uống	4633
38.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (loại nhà nước cho phép)	8559
39.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
40.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
41.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
42.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
43.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
44.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731

45.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
46.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
47.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
48.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
49.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
50.	Xuất bản phần mềm	5820
51.	Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	5913
52.	Hoạt động chiếu phim	5914
53.	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc (loại nhà nước cho phép)	5920
54.	Lập trình máy vi tính	6201
55.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
56.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
57.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
58.	Cổng thông tin	6312
59.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
60.	Hoạt động viễn thông khác (chỉ hoạt động khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép)	6190
61.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
62.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
63.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
64.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
65.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (loại nhà nước cho phép)	4669
66.	Bán buôn tổng hợp	4690
67.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
68.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
69.	Quảng cáo (loại nhà nước cho phép)	7310
70.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (loại nhà nước cho phép)	7320
71.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
72.	Hoạt động nhiếp ảnh	7420
73.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
74.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	8220

75.	(đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện doanh nghiệp chỉ hoạt động, kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam
-----	---	--

6. Vốn điều lệ: 600.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN THỊ THU HUYỀN	Tổ dân phố số 13, Nhân Mỹ, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	6.000	60.000.000	10,000	162783972	
			Tổng số	6.000	60.000.000	10,000		
2	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	Tổ dân phố số 13, Nhân Mỹ, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	27.000	270.000.000	45,000	B02632764	
			Tổng số	27.000	270.000.000	45,000		
3	ĐẶNG VĂN KHEN	Thôn Bùi Thượng, Xã Lê Lợi, Huyện Gia Lộc, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	27.000	270.000.000	45,000	142169922	
			Tổng số	27.000	270.000.000	45,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 29/02/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Hộ chiếu Việt Nam*

Số giấy chứng thực cá nhân: B02632764

Ngày cấp: 07/11/2008

Nơi cấp: *Cục quản lý Xuất nhập cảnh*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Tổ dân phố số 13, Nhân Mỹ, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Tổ dân phố số 13, Nhân Mỹ, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội